|  |
| --- |
|  |
|  | - kịch bản giáo viên sửa điểm  - kịch bản lọc các lớp đang quản lý |
|  | - kịch bản giáo viên xuất tệp điểm |
|  | - kịch bản tìm kiếm người dùng |
|  | - kịch bản thêm người dùng |
|  | - kịch bản sửa thông tin người dùng |
|  | - kịch bản xóa người dùng |
|  | - kịch bản xem chi tiết thông tin người dùng |
|  | - kịch bản đặt lại mật khẩu |
|  | - kịch bản tạo tài khoản bằng cách nhập tệp |
|  | - kịch bản xuất danh sách tài khoản ra file dữ liệu |
|  |  |

1. Đặc tả giáo viên sửa điểm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên Use case | Giáo viên sửa điểm | |
| Mục tiêu | Cho phép giáo viên sửa điểm cho học sinh | |
| Mức |  | |
| Tác nhân | Giáo viên | |
| Điều kiện tiên quyết | Giáo viên đăng nhập tài khoản thành công | |
| Điều kiện thành công | Giáo viên sửa đúng điểm của học sinh giáo viên dạy | |
| Điều kiện thất bại | Giáo viên sửa điểm của học sinh giáo viên không dạy | |
| Điều kiện kích hoạt | Giáo viên chọn chức năng sửa điểm của học sinh | |
| Luồng sự kiện | Bước | Hành động |
|  | 1 | Hệ thống hiển thị textbox trong đó có tất cả thông tin điểm cũ |
|  | 2 | Giáo viên nhập thông tin điểm cần sửa |
|  | 3 | Giáo viên nhấn Enter hoặc click vào nút Lưu |
|  | 4 | Hệ thống hiển thị thông báo thông tin chỉnh sửa thành công |
|  | 5 | Hệ thống cập nhật thông tin mới lên Database |
|  | 6 | Use case kết thúc |
| Luồng thay thế | Bước | Hành động |
|  | 4a | Nhập sai điểm của học sinh:  4a1: Hệ thống hiển thị thông báo chỉnh sửa điểm thất bại |
| Các hình thức khác | Bước |  |

1. Đặc tả giáo viên lọc các lớp đang quản lý

|  |
| --- |
|  |

1. Đặc tả giáo viên xuất tệp điểm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên Use case | Giáo viên lọc các lớp đang quản lý | |
| Mục tiêu | Giáo viên được xem của học sinh | |
| Mức |  | |
| Tác nhân | Giáo viên | |
| Điều kiện tiên quyết | Giáo viên đăng nhập tài khoản thành công | |
| Điều kiện thành công | Giáo viên chọn lớp và môn mà giáo viên dạy | |
| Điều kiện thất bại | Giáo viên chưa chọn lớp và môn mà giáo viên dạy | |
| Điều kiện kích hoạt | Giáo viên chọn chức năng xuất tệp điểm | |
| Luồng sự kiện | Bước | Hành động |
|  | 1 | Giáo viên chọn lớp và môn trên hệ thống |
|  | 2 | Giáo viên nhấn nút Lọc |
|  | 3 | Hệ thống kiểm tra trên Database chọn lớp và môn được chọn |
|  | 4 | Hệ thống hiển thị ra danh sách những học sinh trong lớp được chọn |
|  | 5 | Giáo viên chọn nút xuất tệp điểm |
|  | 6 | Hệ thống tải tệp Excel xuống |
|  | 7 | Use case kết thúc |
| Luồng thay thế | Bước | Hành động |
|  | 4a | Chọn sai lớp/môn:  4a1: Hệ thống hiển thị thông báo chưa có lớp/môn nào được chọn |
|  | 6a | File Excel lỗi không thể tải xuống |
| Các hình thức khác | Bước |  |

1. Đặc tả quản trị viên tìm kiếm người dùng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên Use case | Tiềm kiếm người dùng | |
| Mục tiêu | Quản trị viên tìm kiếm người dùng khác | |
| Mức |  | |
| Tác nhân | Quản trị viên | |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đăng nhập tài khoản thành công | |
| Điều kiện thành công | Quản trị viên được tìm kiếm có trên hệ thống | |
| Điều kiện thất bại | Quản trị viên được tìm kiếm không có trên hệ thống | |
| Điều kiện kích hoạt | Quản trị viên nhấn nút tìm kiếm | |
| Luồng sự kiện | Bước | Hành động |
|  | 1 | Quản trị viên click vào thanh tìm kiếm |
|  | 2 | Thanh tìm kiếm kéo xuống, bên dưới hiển thị những dòng lịch sử tìm kiếm |
|  | 3 | Quản trị viên nhập thông tin cần tìm kiếm |
|  | 4 | Hệ thống kiểm tra kết quả tìm kiếm và hiển thị những gợi ý liên quan |
|  | 5 | Quản trị viên click vào biểu tượng tìm kiếm hoặc ấn nút enter để xác nhận tìm kiếm |
|  | 6 | Hệ thống hiển thị kết quả ra màn hình |
|  | 7 | Use case kết thúc |
| Luồng thay thế | Bước | Hành động |
|  | 4a | Trên hệ thống không có kết quả cần tìm:  4a1: Hệ thống hiển thị thông báo không có kết quả |
| Các hình thức khác | Bước |  |

1. Đặc tả thêm người dùng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên Use case | Thêm người dùng | |
| Mục tiêu | Tạo tài khoản cho người dùng | |
| Mức |  | |
| Tác nhân | Quản trị viên | |
| Điều kiện tiên quyết | Quản trị viên đang trong giao diện quản lý người dùng | |
| Điều kiện thành công | Tài khoản chưa tồn tại trên Database | |
| Điều kiện thất bại | Tài khoản đã tồn tại trên Database | |
| Điều kiện kích hoạt | Quản trị viên chọn chức năng thêm mới | |
| Luồng sự kiện | Bước | Hành động |
|  | 1 | Khi quản trị viên nhấn nút thêm mới |
|  | 2 | Hệ thống hiển thị form thêm tài khoản gồm các thông tin: Họ và tên, tên tài khoản, số điện thoại, địa chỉ, lớp, ngày sinh, giới tính |
|  | 3 | Quản trị viên nhấn vào nút Lưu |
|  | 4 | Hệ thống cập nhật thông tin mới lên Database |
|  | 5 | Hệ thống hiển thị thông báo thông tin thêm tài khoản thành công |
|  | 6 | Use case kết thúc |
| Luồng thay thế | Bước | Hành động |
|  | 3a | Quản trị viên không muốn thêm tài khoản mới nhấn nút Hủy  3a1: Hệ thống trở về trạng thái ban đầu khi chưa chọn thêm |
|  | 5a | Nhập thiếu thông tin cần thiết/tài khoản đã tồn tại:  5a1: Hệ thống hiển thị thông báo thêm tài khoản thất bại |
| Các hình thức khác | Bước |  |

1. Đặc tả sửa thông tin người dùng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên Use case | Sửa thông tin người dùng | |
| Mục tiêu | Sửa thông tin tài khoản cho người dùng | |
| Mức |  | |
| Tác nhân | Quản trị viên | |
| Điều kiện tiên quyết | Quản trị viên đang trong giao diện quản lý người dùng | |
| Điều kiện thành công | Tài khoản đã tồn tại trên Database, | |
| Điều kiện thất bại | Quản trị viên không được sửa email, mật khẩu | |
| Điều kiện kích hoạt | Quản trị viên chọn chức năng sửa | |
| Luồng sự kiện | Bước | Hành động |
|  | 1 | Khi quản trị viên nhấn nút sửa |
|  | 2 | Hệ thống hiển thị form sửa tài khoản gồm các thông tin: Họ và tên, tên tài khoản, số điện thoại, địa chỉ, lớp, ngày sinh, giới tính |
|  | 3 | Quản trị viên nhấn vào nút Lưu |
|  | 4 | Hệ thống cập nhật thông tin mới lên Database |
|  | 5 | Hệ thống hiển thị thông báo thông tin sửa tài khoản thành công |
|  | 6 | Use case kết thúc |
| Luồng thay thế | Bước | Hành động |
|  | 3a | Quản trị viên không muốn sửa tài khoản mới nhấn nút Hủy  3a1: Hệ thống trở về trạng thái ban đầu khi chưa chọn sửa |
|  | 5a | Sửa thông tin không được phép sửa: mật khẩu, email  4a1: Hệ thống hiển thị thông báo sửa tài khoản thất bại |
| Các hình thức khác | Bước |  |

1. Đặc tả xóa người dùng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên Use case | Xóa tài khoản người dùng | |
| Mục tiêu | Xóa tài khoản cho người dùng | |
| Mức |  | |
| Tác nhân | Quản trị viên | |
| Điều kiện tiên quyết | Quản trị viên đang trong giao diện quản lý người dùng | |
| Điều kiện thành công | Tài khoản tồn tại trên Database | |
| Điều kiện thất bại |  | |
| Điều kiện kích hoạt | Quản trị viên chọn chức năng xóa của 1 tài khoản muốn xóa | |
| Luồng sự kiện | Bước | Hành động |
|  | 1 | Quản trị viên nhấn nút xóa |
|  | 2 | Hệ thống xóa và cập nhật thông tin mới lên Database |
|  | 3 | Hệ thống hiển thị thông báo thông tin xóa tài khoản thành công |
|  | 4 | Use case kết thúc |
| Luồng thay thế | Bước | Hành động |
|  | 3a | Xóa tài khoản không được phép sửa:  3a1: Hệ thống hiển thị thông báo xóa tài khoản thất bại |
| Các hình thức khác | Bước |  |

1. Đặc tả xem chi tiết thông tin người dùng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên Use case | Xem chi tiết thông tin người dùng | |
| Mục tiêu | Xem chi tiết thông tin tài khoản của người dùng | |
| Mức |  | |
| Tác nhân | Quản trị viên | |
| Điều kiện tiên quyết | Quản trị viên đang trong giao diện quản lý người dùng | |
| Điều kiện thành công | Tài khoản tồn tại trên Database | |
| Điều kiện thất bại |  | |
| Điều kiện kích hoạt | Quản trị viên chọn chức năng xem chi tiết của 1 tài khoản muốn xem | |
| Luồng sự kiện | Bước | Hành động |
|  | 1 | Quản trị viên nhấn nút xem chi tiết |
|  | 2 | Hệ thống hiển thị những thông tin của người dùng được chọn: Họ và tên, email, số điện thoại, ngày sinh, giới tính |
|  | 3 | Use case kết thúc |
| Luồng thay thế | Bước | Hành động |
|  | 2a | 2a1: Hiển thị thêm lớp (nếu người dùng là học sinh)  2a2: Hiển thị thêm lớp và họ và tên học sinh (nếu người dùng là phụ huynh) |
| Các hình thức khác | Bước |  |